Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 37

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VĂN LANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 70B	Ngã 3 xã Bằng Giã cũ (gần Bưu điện xã)	Nhà văn hóa khu 8 xã Bằng Giã cũ	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
2		Nhà văn hóa khu 8 xã Bằng Giã cũ	Hết địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
3		Giáp địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ	Cầu Lạch Đình khu 5, xã Vô Tranh cũ	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
4		Cầu Lạch Đình khu 5, xã Vô Tranh cũ	Cầu Mông Cày khu 6, xã Vô Tranh cũ	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
5		Cầu Mông Cày khu 6, xã Vô Tranh cũ	Ngã ba đường dẫn đi cầu mới	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
6		Ngã ba đường dẫn đi cầu Mới	Ngã 3 cầu Mỹ Lung, khu 9	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
7		Ngã 3 Cầu Mỹ Lung, khu 9	Phân trại số 1 - Trại giam Tân Lập	3.200	1.800	1.300	1.300	700	500	1.000	500	400
8	Đường Quốc lộ 32C	Ngã 3 xã Bằng Giã cũ (gần bưu điện xã)	Giáp nhà của đội sửa chữa đường bộ qua Cầu Ngòi Lao (mới)	5.800	3.200	2.300	2.300	1.300	900	1.700	1.000	700
9		Giáp nhà của Đội sửa chữa đường bộ qua Cầu Ngòi Lao (mới)	Hết địa giới hành chính khu 7 Bằng Giã cũ giáp xã Hiền Lương	10.800	5.900	4.300	4.300	2.400	1.700	3.200	1.800	1.300
10		Giáp nhà của đội sửa chữa đường bộ qua Cầu Ngòi Lao (mới)	Cống Ngòi Quê	6.100	3.400	2.400	2.400	1.300	1.000	1.800	1.000	700
11		Giáp Ngòi Giành	Cổng Trường tiểu học Minh Côi	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
12		Cổng Trường tiểu học Minh Côi	Hết địa giới hành chính xã Minh Côi cũ (giáp xã Văn Lang cũ)	4.300	2.400	1.700	1.700	1.000	700	1.300	700	500
13	Đường tỉnh 321B	Ngã ba đường rẽ đi UBND xã Bằng Giã cũ	Cống Ngòi Khuân	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
14		Giáp cống Ngòi Khuân	Hết địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ (giáp xã Vô Tranh cũ)	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
15		Giáp xã Bằng Giã cũ	Ngã ba đi Tỉnh lộ 321 cũ	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
16	Đường tỉnh 321B	Ngã ba đi Tỉnh lộ 321 cũ	Hết địa giới hành chính xã Vô Tranh cũ	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
17	Đường tránh lũ	Ngã ba Dốc Mét	Ngã ba xã Văn Lang cũ, xã Bằng Giã cũ	2.500	1.400	1.000	1.000	600	400	800	400	300
18		Ngã ba đường rẽ vào UBND xã Văn Lang cũ	Ngã ba đường tránh lũ xã Bằng Giã cũ, xã Văn Lang cũ	3.600	2.000	1.400	1.400	800	600	1.100	600	400
19		Ngã ba đường tránh lũ xã Bằng Giã cũ, xã Văn Lang cũ	Hết địa giới hành chính xã Văn Lang cũ giáp xã Minh Côi cũ	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
20		Giáp Quốc lộ 32C (Ngã ba đường rẽ vào chợ Minh Côi)	Giếng Thờ cống chui đường Cao Tốc, khu 3 xã Minh Côi cũ	5.000	2.800	2.000	2.000	1.100	800	1.500	800	600
21		Giếng Thờ cống chui đường cao tốc khu 3, xã Minh Côi cũ	Hết địa giới hành chính xã Minh Côi cũ (giáp xã Văn Lang cũ)	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
22	Đường liên vùng	Giáp địa giới hành chính xã Văn Lang cũ	Hết địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ (giáp xã Vô Tranh cũ)	1.400	800	600	600	300	200	400	250	200
23		Giáp địa giới hành chính huyện Cẩm Khê cũ	Hết địa giới hành chính xã Văn Lang cũ (giáp xã Bằng Giã cũ)	2.200	1.200	900	900	500	300	600	400	300
24		Giáp địa giới hành chính xã Bằng Giã cũ	Hết địa giới hành chính xã Vô Tranh cũ	2.900	1.600	1.200	1.200	600	500	900	500	300
25	Đường liên xã	Ngã 3 đường rẽ đi UBND xã Bằng Giã cũ	Giáp đường tránh lũ đi qua khu 2, khu 3 xã Bằng Giã cũ	1.300	720	520	520	290	210	390	220	160
26		Tỉnh lộ 321B	Giáp địa giới hành chính xã Văn Lang cũ	1.200	660	480	500	280	200	400	220	160
27		Hết địa giới hành chính xã Minh Côi cũ	Giáp địa giới hành chính xã Tiên Lương cũ	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
28		UBND xã Vô Tranh cũ (Công an xã Văn Lang)	Hết địa giới hành chính xã Vô Tranh cũ giáp xã Hiền Lương	1.200	700	500	500	300	200	400	200	100
29		Ngã ba đường đi cầu mới	Tỉnh lộ 321B	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
30		Đoạn đường liên xã còn lại		2.200	700	500	500	300	200	400	200	100
31		Đường tránh lũ	Cây si khu 2	1.000	700	500	500	300	200	400	200	100
32		UBND xã	Đi khu 1	2.200	700	500	500	300	200	400	200	100
33		Miếu cửa rừng khu 4	Nhà ông Chúc khu 2	2.200	700	500	500	300	200	400	200	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
34	Đường liên xã	Đất 2 bên đường ngõ xóm thuộc băng 2, 3, 4 dọc theo QL32C (đoạn từ Cống Ngòi Quê đến hạt 9 QLĐB) và giáp sông Hồng		2.200	700	500	500	300	200	400	200	100
35		Giáp xã Bằng Giã	Cầu qua Ngòi Lao đường liên vùng	2.200			900			720		
36		Ngã 3 nối Quốc lộ 70B	Giáp xã Xuân Áng	2.200	700	500	900	300	200	720	300	200
37		Đoạn đường liên xã còn lại		2.500	700	500	1.050	500	300	840	400	200
38	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			600			200			200		